

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2007/TT-VPCP

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2007

THÔNG TƯ

hướng dẫn thực hiện Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 40/2002/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện quản lý nhà nước đối với

ngành, lĩnh vực do các cơ quan thuộc Chính phủ quản lý;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn một số nội dung thi hành Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ như sau:

**I. THI ĐUA VÀ DANH HIỆU
THI ĐUA**

1. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

a) Điều 8 Nghị định số 121/2005/NĐ-

CP quy định thi đua có 02 hình thức: thi đua thường xuyên và thi đua theo đợt.

- Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt nhất công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị. Thi đua thường xuyên áp dụng giữa các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc giống nhau hoặc gần giống nhau.

Thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được chia theo khối, cụm thi đua để ký kết giao ước thi đua; thực hiện việc đăng ký giao ước thi đua giữa các cá nhân, tập thể; kết thúc năm tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua, những cá nhân, tập thể có đăng ký thi đua thì mới được bình xét danh hiệu thi đua.

- Thi đua theo đợt, thi đua theo chuyên đề là hình thức thi đua nhằm giải quyết tốt những nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong một thời gian nhất định hoặc giải quyết những công việc khó khăn, bức xúc nhất; những việc còn yếu kém, tồn đọng; những việc mà đông đảo quần chúng có nguyện vọng giải quyết. Thi đua theo đợt

được phát động khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu và thời gian, nhằm hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Tùy theo mục tiêu, phạm vi thi đua, thi đua theo đợt có thể tổ chức với quy mô rộng lớn, không bó hẹp trong một cơ quan, đơn vị mà có thể trong phạm vi một địa phương, một ngành hoặc cả nước. Hình thức tổ chức phát động thi đua phải thiết thực, đa dạng và phong phú có sức lôi cuốn nhiều người hăng hái tham gia. Cá nhân, tập thể nào hoàn thành sớm mục tiêu thi đua phải được biểu dương, khen thưởng kịp thời.

b) Tổ chức một phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP. Việc xác định chỉ tiêu thi đua phải có tính khả thi, chỉ tiêu đặt ra phải từ mức tiên tiến trở lên để đảm bảo từng cá nhân, tập thể cần nỗ lực, tích cực phấn đấu mới hoàn thành.

Chú trọng việc tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia và các điều kiện đảm bảo về tinh thần, vật chất cho phong trào thi đua, đồng thời tăng cường kiểm tra theo dõi quá trình tổ chức thực hiện, phát hiện nhân tố mới, xây dựng điển hình tiên tiến, chỉ đạo điềm để rút kinh nghiệm kịp thời.

Tổng kết thi đua phải đánh giá đúng kết quả, tác dụng của phong trào thi

đua; công khai lựa chọn, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc. Tổ chức việc tuyên truyền, phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

2. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”:

Danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến được xét công nhận mỗi năm một lần vào thời điểm kết thúc năm cho các cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong các cơ quan, đơn vị, các cơ sở kinh tế quốc doanh và ngoài quốc doanh; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Luật thi đua, khen thưởng.

Trong năm, cá nhân có đăng ký thi đua nếu hoàn thành tốt nhiệm vụ (bao gồm hoàn thành số lượng và chất lượng các công việc được giao) mới được xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến. Những cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến phải là người đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao trong sản xuất, công tác, được

bình chọn trong số những người hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các đối tượng trên trong một năm nếu nghỉ làm việc từ 02 tháng liên tục trở lên (tính từ 40 ngày trở lên theo chế độ làm việc) thì không thuộc diện xem xét, bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến.

Các trường hợp đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, nếu đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt các quy định của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến.

Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên, có kết quả học tập từ loại khá trở lên, thì năm đó được xếp tương đương danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng khác.

Các trường hợp chuyển công tác, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ. Trường hợp cá nhân có thời gian làm việc từ 10 tháng trở lên (trong năm) trước khi có quyết định chuyển công tác thì đơn vị cũ xem xét bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến.

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở được xét công nhận mỗi năm một lần vào thời điểm kết thúc năm cho các cá nhân đạt cả 02 tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP.

Việc bình xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở phải lựa chọn cá nhân xuất sắc, tiêu biểu trong số những cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến, các cá nhân đó nhất thiết phải có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học công nghệ mới, có các giải pháp hữu ích, áp dụng sáng kiến cải tiến lề lối làm việc, cải cách thủ tục hành chính hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu... để nâng cao năng suất lao động, hiệu suất công tác của cơ quan, đơn vị.

Cá nhân có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hoặc có các giải pháp hữu ích... phải được Hội đồng khoa học (Hội đồng sáng kiến) cấp cơ sở xét công nhận. Việc thành lập Hội đồng khoa học (Hội đồng sáng kiến) do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá thẩm định các sáng kiến, kinh

nghiệm hoặc các giải pháp trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” và “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”:

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố) và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng thường xuyên hàng năm.

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố chỉ xét chọn từ những cá nhân xuất sắc, tiêu biểu, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật mang lại hiệu quả cao, trong số những cá nhân đã 03 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và thành tích, sáng kiến của cá nhân đó có ảnh hưởng đối với Bộ, ngành, địa phương.

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc được lựa chọn phong tặng cho những cá nhân tiêu biểu có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc có giải pháp công tác mang lại hiệu quả cao, trong số những cá nhân 02 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố và

thành tích, sáng kiến của cá nhân đó có ảnh hưởng trong phạm vi toàn quốc.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A, liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” các năm 2001, 2002, 2003 thì kết thúc năm 2003 ông Nguyễn Văn A đủ điều kiện để xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, tỉnh, thành phố”. Giả sử ông Nguyễn Văn A được quyết định công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành” (hoặc cấp tỉnh, thành phố) lần thứ nhất vào năm 2003, tiếp theo các năm 2004, 2005, 2006 ông Nguyễn Văn A phải tiếp tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” thì kết thúc năm 2006 ông Nguyễn Văn A mới đủ điều kiện để được xét “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành” (hoặc cấp tỉnh, thành phố) lần thứ 2 và trên cơ sở đó ông Nguyễn Văn A năm 2007 mới đủ điều kiện để được xét, phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

d) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị tiên tiến”, “Đơn vị quyết thắng”:

Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị tiên tiến, Đơn vị quyết thắng được xét công nhận mỗi năm một lần vào thời điểm kết thúc năm.

Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị

tiên tiến là tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành nhiệm vụ, đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 28 Luật thi đua, khen thưởng.

Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng là tập thể tiêu biểu, xuất sắc được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 27 Luật thi đua, khen thưởng và phải có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị tiên tiến, Đơn vị quyết thắng xét tặng như sau:

- Đối với các đơn vị thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh: xét công nhận cho các đơn vị cơ sở và các tập thể trực thuộc cơ sở, như công ty, xí nghiệp, phòng, tổ, đội, phân xưởng;

- Lực lượng vũ trang nhân dân do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định cụ thể sau khi thông nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;

- Đối với cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương: xét công nhận cho cơ quan văn phòng bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương; các vụ, phòng, ban hoặc đơn vị tương đương;

- Đối với cấp tỉnh: xét công nhận cho cơ quan văn phòng Ủy ban nhân dân, và các phòng, đơn vị thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân, cơ quan văn phòng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, văn phòng sở và các phòng trực thuộc hoặc tương đương;

- Đối với cấp huyện: xét công nhận cho cơ quan văn phòng Ủy ban nhân dân huyện; các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc huyện; các xã, phường, thị trấn;

- Đối với đơn vị sự nghiệp: xét công nhận cho các đơn vị trực thuộc như: khoa, phòng, tổ bộ môn; trường học, bệnh viện, viện và tương đương.

đ) Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa” và tương đương, cơ quan (hoặc đơn vị văn hóa đối với lực lượng vũ trang nhân dân): xét công nhận mỗi năm một lần vào dịp cuối năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 30 Luật thi đua, khen thưởng;

e) “Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”, “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Điều 26 Luật thi đua, khen thưởng quy định 03 tiêu chuẩn để tặng Cờ thi đua của Bộ, ngành, địa phương tương ứng với 03 tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Chính phủ quy định tại Điều 25 Luật

thi đua, khen thưởng, nhưng có khác nhau về mức độ thành tích và phạm vi ảnh hưởng.

Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng cho tập thể tiêu biểu, hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, được bình chọn, suy tôn là đơn vị dẫn đầu các khối, cụm thi đua của Bộ, ngành, địa phương trên từng lĩnh vực, khu vực, cụm thi đua.

Cờ thi đua của Chính phủ để tặng cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc trong toàn quốc trong từng lĩnh vực, ngành nghề, khu vực, có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập; nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn khác.

Đối tượng để xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ và Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì tùy theo quy mô tổ chức phong trào thi đua để lựa chọn cho phù hợp: có thể là một tỉnh, thành phố; một sở, ban, ngành thuộc tỉnh, quận, huyện và tương đương hoặc một trường học, bệnh viện, công ty, xí nghiệp, xã, phường...

Việc công nhận tập thể tiêu biểu xuất sắc để tặng Cờ thi đua của Chính phủ và

Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải được bình xét, đánh giá, so sánh theo các khối hoặc khu vực, cụm thi đua do Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức.

Hàng năm, các đơn vị thuộc Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương; các sở, ban, ngành của tỉnh, huyện (thị xã và tương đương) phải tổ chức đăng ký giao ước thi đua, cuối năm tiến hành tổng kết, bình xét, lựa chọn đơn vị dẫn đầu cụm, khối đạt các tiêu chuẩn quy định để tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bộ, ngành, địa phương xem xét các đơn vị trực thuộc, lựa chọn những đơn vị tiêu biểu nhất trên từng lĩnh vực, khu vực, cụm thi đua để đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

Trên cơ sở đề nghị của Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xin ý kiến của các Bộ, ngành liên quan để xét đơn vị tiêu biểu, xuất sắc trình Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

3. Thẩm quyền xét đề nghị và quyết định công nhận các danh hiệu thi đua

a) Thẩm quyền quyết định tặng Cờ thi đua, công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố”, được thực hiện theo quy định tại Điều 79 Luật thi đua, khen thưởng.

Thẩm quyền đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật thi đua, khen thưởng.

b) Thẩm quyền quyết định công nhận các danh hiệu: “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”; danh hiệu “Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa”, “Gia đình văn hóa”, được thực hiện theo quy định tại Điều 80 Luật thi đua, khen thưởng:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong các cơ quan, đơn vị, các cơ sở kinh tế quốc doanh; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân do Hội đồng thi đua - khen thưởng cơ quan, đơn vị xét đề nghị công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến, Chiến

sĩ thi đua cơ sở. Trên cơ sở đó Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Trưởng ban, ngành ở Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước; Thủ trưởng, Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (thị xã, thành phố thuộc tỉnh) xem xét, quyết định công nhận;

Riêng đối với các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu riêng (Viện nghiên cứu, các tổng cục, cục, nhà xuất bản, tạp chí, trường đào tạo...) thì Thủ trưởng các đơn vị đó được xem xét, quyết định công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở.

- Đối với lao động làm việc tại các cơ sở hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ..., những người lao động trong các ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, thương mại... đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP thì được xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp

quản lý các đối tượng trên (xã, phường, thị trấn, hợp tác xã) căn cứ tiêu chuẩn quy định, bình xét, quyết định công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) quyết định công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở.

- Đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, xí nghiệp tư nhân, xí nghiệp liên doanh nước ngoài do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp xem xét, quyết định công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) nơi cơ quan, đơn vị có trụ sở làm việc quyết định công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở;

- Đối với các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 01 năm (12 tháng) trở lên mới bình xét Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng.

4. Mẫu Bằng công nhận danh hiệu thi đua

Mẫu công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến; Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị tiên tiến, Đơn vị quyết thắng được thực hiện thống nhất theo mẫu do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương quy định.

5. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua khen thưởng các cấp đối với phong trào thi đua

Cơ quan chuyên môn làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 05 năm để tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua. Đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền vận động; chủ động phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc hướng dẫn tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

II. HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG HUÂN CHƯƠNG, HUY CHƯƠNG, DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC, BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ; BẰNG KHEN CẤP BỘ, NGÀNH, ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG, TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Hình thức, đối tượng khen thưởng

a) Khen thưởng thường xuyên là hình thức khen thưởng được tiến hành thường xuyên hàng năm cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch hàng năm hoặc nhiều năm;

b) Khen thưởng theo các chuyên đề là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích sau khi kết thúc thực hiện một chương trình hoặc một chuyên đề công tác do Chính phủ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, các Bộ, ban, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát động;

c) Khen thưởng đột xuất là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc, có tác dụng nêu gương trong toàn ngành, tỉnh, thành phố hoặc khu vực, có hành động dũng cảm, có chiến công,

thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu;

d) Khen thưởng quá trình cống hiến là hình thức khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc;

đ) Khen thưởng theo niên hạn là hình thức khen thưởng cho cá nhân thuộc lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân;

e) Khen thưởng đối ngoại là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có công đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng...;

g) Tiêu chuẩn tặng mỗi loại Huân chương, Huy chương, Bằng khen đã quy định cụ thể cho từng đối tượng được khen thưởng, trong thực hiện cần lưu ý Huân chương, Huy chương dùng để tặng

(hoặc truy tặng) cho từng loại đối tượng cụ thể:

- Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh là Huân chương cao quý để tặng thưởng cho những tập thể, cá nhân (hoặc truy tặng cho cá nhân) có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc;

Đối tượng chủ yếu để tặng là những tập thể có quy mô lớn (Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quân khu, quân đoàn, binh đoàn, binh chủng, quân chủng, tổng cục trực thuộc Bộ; các Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và các tổ chức đặc thù khác...), có bề dày truyền thống, phạm vi ảnh hưởng lớn, đủ điều kiện và tiêu chuẩn quy định.

- Huân chương Độc lập là Huân chương bậc cao để tặng cho tập thể và cá nhân (hoặc truy tặng cho cá nhân) có thành tích đặc biệt xuất sắc hoặc có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đối với tập thể chủ yếu tặng các tập thể là các quận, huyện, thị xã; sở, ban, ngành và tương đương (đối với tỉnh, thành phố); cấp trung đoàn và tương đương trở lên (đối với lực lượng vũ trang);

- Huân chương Quân công là Huân chương bậc cao chủ yếu tặng thưởng cho tập thể, cá nhân (hoặc truy tặng cho cá nhân) lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, có tác dụng nêu gương sáng trong lực lượng vũ trang nhân dân. Đối tượng được tặng thưởng chủ yếu là cá nhân, tập thể thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, về tập thể là những tập thể có quy mô từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

- Huân chương Lao động để tặng cho tập thể, cá nhân (hoặc truy tặng cho cá nhân) có thành tích xuất sắc trong lao động sáng tạo xây dựng đất nước. Các tập thể, cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân công tác trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nghiên cứu khoa học, làm công tác giảng dạy, hoạt động văn hóa - xã hội, hoạt động đối ngoại... thuộc đối tượng được xét đề nghị tặng thưởng Huân chương Lao động;

- Huân chương Bảo vệ Tổ quốc tặng cho các tập thể, cá nhân (hoặc truy tặng cho cá nhân) có thành tích trong huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

- Huân chương Chiến công để tặng hoặc truy tặng cho cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân và công an nhân dân, dân quân tự vệ và trong các tầng lớp nhân dân đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 34, 35 và Điều 36 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

- Huân chương Đại đoàn kết dân tộc để tặng (hoặc truy tặng) cho cá nhân có quá trình cống hiến, có công lao to lớn, có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân;

- Huân chương Dũng cảm để tặng (hoặc truy tặng) cho cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân;

- Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị chỉ tặng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam đã và đang làm việc tại Việt Nam hoặc ngoài nước;

- Đối với Quân đội nhân dân Huy chương Quân kỳ quyết thắng, Huy chương Chiến sĩ vẻ vang xét tặng:

+ Đối tượng là quân nhân trước khi Luật thi đua, khen thưởng có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2004) chưa được tặng thưởng Huy chương Quân kỳ quyết thắng, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang đủ niên hạn theo quy định để xét tặng;

+ Đối tượng là quân nhân, công nhân quốc phòng sau khi Luật thi đua, khen thưởng có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2004) đủ niên hạn theo quy định để xét tặng.

h) Quy định “Khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là chính” được hiểu việc khen thưởng cho tập thể nhỏ và cá nhân cần được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, thực hiện. Trước hết các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trực tiếp quản lý các tập thể nhỏ, cá nhân xem xét, quyết định khen thưởng kịp thời với các hình thức biểu dương, công nhận danh hiệu thi đua, giấy khen, thưởng vật chất thích hợp. Những trường hợp đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu thì đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Về tiêu chuẩn khen thưởng

Tiêu chuẩn khen thưởng trong Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật thi đua, khen thưởng quy định cụ thể cho từng mức hạng, từng loại hình thành tích tương ứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tương ứng với mức độ công lao đóng góp, công hiến cho sự nghiệp chung của đất nước, của Bộ, ngành hoặc của từng địa phương; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng

cao; không nhất thiết phải theo tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau; không nhất thiết lần khen sau phải khen cao hơn lần khen trước...

Việc quy định cụ thể, khi áp dụng vào thực tế có một số điểm cần thống nhất cách hiểu và vận dụng như sau:

a) “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Quân công” là những Huân chương bậc cao. Do vậy, tiêu chuẩn khen thưởng phải căn cứ vào bề dày truyền thống, thể hiện ở công lao cống hiến cho sự nghiệp cách mạng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và thành tích đạt được trong một số năm trước khi đề nghị khen thưởng;

Đối với các tập thể có quy mô lớn (Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) hoặc các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành có quy mô lớn trong toàn quốc (Tổng công ty và Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng cục trực thuộc Bộ...), hàng năm không tiến hành bình xét và đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ thì có thể lấy các hình thức khen thưởng (Cờ thi đua của Chính phủ hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính

phủ) của các đơn vị thành viên (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã) làm cơ sở xét, đề nghị nhà nước tặng thưởng Huân chương bậc cao.

Về quy định tại điểm c khoản 2, các Điều từ 20 đến 27 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP thống nhất thực hiện như sau:

- Quy định thời gian 05 năm hoặc 10 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng được hiểu kể từ khi có quyết định khen thưởng lần trước đến thời điểm đề nghị khen thưởng phải đủ 05 năm trở lên hoặc đủ 10 năm trở lên;

- Quy định số Cờ thi đua của Chính phủ hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được hiểu là Cờ hoặc Bằng khen tương ứng như nhau và được tính khi xét đề nghị khen thưởng.

Ví dụ: Quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP, tặng thưởng Huân chương Sao vàng: “Lập được thành tích xuất sắc liên tục từ 10 năm trở lên trước thời điểm đề nghị, trong thời gian đó 05 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ...”. Được hiểu: 10 năm trước thời điểm đề nghị phải liên tục đạt thành tích xuất sắc; trong thời gian đó đã 05 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ hoặc 05 lần bao gồm cả Cờ thi đua của Chính

phủ và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tập thể có quy mô lớn gồm nhiều đơn vị thành viên, không thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, tặng Cờ thi đua hàng năm thì tập thể đó phải căn cứ vào thành tích của các đơn vị thành viên để xem xét tặng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại;

c) Về cách tính tiêu chuẩn “Có quá trình công hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể” quy định tại khoản 1 các Điều 22, 23, 24; điểm b khoản 1, các Điều 28, 29, 30 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP thống nhất quy định như sau:

- Tiêu chuẩn quá trình công hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể được áp dụng để xem xét đối với các trường hợp đã có quá trình công tác trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, giữ các chức vụ lãnh đạo được nhà nước bổ nhiệm hoặc chức vụ bầu cử được quy định trong Nghị định số 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ, hoàn thành tốt nhiệm vụ đã đến tuổi nghỉ chế độ hoặc đã nghỉ chế độ mà chưa được khen thưởng (kể cả các trường hợp đã từ trần);

- Người tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (từ năm 1945 đến ngày 30

tháng 4 năm 1975) được hiểu là những người có thời gian tham gia công tác trong khoảng thời gian từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 đến ngày 20 tháng 7 năm 1954 và trong khoảng thời gian sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

+ Người tham gia thời kỳ kháng chiến chống Pháp (từ năm 1945 đến ngày 20 tháng 7 năm 1954) được hiểu là những người có thời gian tham gia công tác trong khoảng thời gian từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 đến ngày 20 tháng 7 năm 1954;

+ Người tham gia thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975) được hiểu là người có thời gian tham gia công tác trong khoảng từ sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Người chỉ tham gia thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (tính từ sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975) thì không thuộc đối tượng tham gia hoạt động liên tục trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

- Người tham gia thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay) được hiểu là những người bắt đầu tham gia công tác từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975;

- Người tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945 (lão thành cách mạng) được hiểu là những người bắt đầu tham gia cách mạng từ ngày 31 tháng 12 năm 1944 trở về trước hoặc người được kết nạp Đảng trước ngày 19 tháng 8 năm 1945, được cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận;

- Người được công nhận là cán bộ tiền khởi nghĩa là những người tham gia cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày 19 tháng 8 năm 1945, được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

d) Về cách tính thời gian giữ chức vụ (thể hiện quá trình cống hiến) thống nhất như sau:

- Khái niệm “một nhiệm kỳ” chức vụ nói chung được hiểu là 05 năm. Tuy nhiên, trong thực tế có nhiệm kỳ kéo dài (hoặc ngắn hơn); do vậy, trong Nghị định số 121/2005/NĐ-CP đã quy định số năm cụ thể;

Riêng đối với các trường hợp trong Nghị định số 121/2005/NĐ-CP không quy định số năm cụ thể, nay quy định thống nhất như sau: thời gian giữ chức vụ 01 nhiệm kỳ (là thời gian giữ chức vụ từ 03 đến 05 năm); thời gian giữ chức vụ 02 nhiệm kỳ (là thời gian giữ chức vụ từ 08 đến 10 năm); thời gian giữ chức vụ 03 nhiệm kỳ (là thời gian

giữ chức vụ từ 13 đến 15 năm). Riêng đối với cấp ủy Đảng trước đây quy định 02 năm rưỡi 01 nhiệm kỳ thì được giữ như quy định là 01 nhiệm kỳ.

- Trường hợp cá nhân có thời gian giữ chức vụ cao nhưng không đủ để được khen theo tiêu chuẩn quy định đối với chức vụ đó thì được cộng với số thời gian giữ chức vụ thấp hơn liền kề để tính tiêu chuẩn khen thưởng theo chức vụ thấp hơn liền kề;

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A tham gia công tác từ năm 1960, quá trình công tác đã giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy 10 năm (nếu xét chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy thì đủ tiêu chuẩn khen thưởng Huân chương Độc lập hạng ba (theo Mục c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP)); sau đó có thời gian giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy 05 năm (nếu xét chức vụ Bí thư Tỉnh ủy cũng đủ tiêu chuẩn khen thưởng Huân chương Độc lập hạng ba (theo Mục c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP)); trong trường hợp này được cộng thời gian 05 năm giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy với 10 năm giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy để có thời gian 15 năm; tính theo chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy đủ tiêu chuẩn xét khen thưởng Huân chương Độc lập hạng nhì cho ông Nguyễn Văn A giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy.

- Một cá nhân trong cùng một thời gian kiêm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau thì lấy chức vụ cao nhất để làm căn cứ áp dụng tiêu chuẩn khen thưởng;

- Đối với cán bộ làm công tác lãnh đạo quản lý, ngoài hình thức khen thưởng thành tích cống hiến lâu dài, vẫn được xem xét, đề nghị các hình thức khen thưởng khác khi có thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất hoặc có những công trình, đề tài khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật mang lại hiệu quả rõ rệt đối với một ngành hoặc một địa phương.

Đối với cán bộ bị kỷ luật khai trừ Đảng, sau đó đã sửa chữa khuyết điểm, phấn đấu và được kết nạp lại vào Đảng, nếu đạt tiêu chuẩn quy định thì vẫn được xét khen thưởng.

đ) Về điều kiện “không phạm khuyết điểm lớn” thống nhất áp dụng như sau:

- Không khen thưởng đối với người bị kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng, bị kỷ luật buộc thôi việc, bị loại ngũ, tước quân tịch, bị phạt tù từ án treo trở lên;

- Hạ một mức khen đối với người đã từng bị kỷ luật lưu Đảng, khai trừ Đảng sau đó được kết nạp lại, bị giáng chức hoặc hạ bậc lương, bị cảnh cáo;

- Chưa xét khen thưởng đối với các trường hợp đang bị kỷ luật hoặc các trường hợp đang xét kỷ luật.

Các hình thức kỷ luật tính từ lúc bắt đầu tham gia công tác đến lúc xét khen thưởng.

e) Nếu trong thời gian giữ chức vụ, cá nhân được cử đi học tập trung trên 06 tháng, sau khi đi học về vẫn giữ chức vụ cũ hoặc được bổ nhiệm chức vụ cao hơn thì thời gian đi học được tính thời gian giữ chức vụ trước khi đi học; nếu sau khi đi học về giữ chức vụ thấp hơn hoặc không giữ chức vụ thì không được tính thời gian đi học theo chức vụ trước khi đi học;

g) Việc khen thưởng cho các đối tượng giữ các chức vụ quản lý, lãnh đạo được quy định trong Nghị định số 121/2005/NĐ-CP, có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, trước hết triển khai thực hiện cho các trường hợp đã từ trần, đã nghỉ hưu mà chưa được khen thưởng và các trường hợp có quyết định thông báo nghỉ chế độ; các đối tượng khác chỉ xét và đề nghị khen thưởng khi cán bộ đó sắp đến tuổi nghỉ chế độ mà không còn đủ số năm công tác tiếp theo để được đề nghị khen thưởng ở mức cao hơn:

Các Bộ, ban, ngành, địa phương cần rà soát, lập kế hoạch tổng thể, phân định các đối tượng để từng bước có kế hoạch

đề nghị khen thưởng cho phù hợp với đặc điểm của Bộ, ngành, địa phương mình;

- Những cán bộ đã nghỉ hưu, nay đơn vị cũ đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị;

- Các cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trần) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trần) xem xét, hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền theo quy định;

- Những trường hợp thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương quản lý (kể cả cán bộ đã nghỉ hưu, tử trần) công tác ở các cơ quan, đoàn thể trung ương hoặc ở các địa phương, căn cứ hồ sơ đảng viên (hoặc hồ sơ quản lý cán bộ) về quá trình công tác và thành tích đạt được, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, thành phố (hoặc Vụ, Phòng Thi đua) phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy (hoặc Vụ, Phòng, Ban Tổ chức cán bộ) lập danh sách các trường hợp đủ tiêu chuẩn, báo cáo cấp ủy xem xét; trên cơ sở ý kiến của cấp ủy, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Trưởng các Ban, ngành, đoàn thể ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ. Việc xin ý kiến Ban Tổ chức Trung ương hoặc báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thực hiện;

- Cá nhân đã được khen thưởng theo Thông tri số 38-TT/TW và Thông tri số 19-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa V, nay đối chiếu với tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 121/2005/NĐ-CP, nếu hình thức khen chỉ ở mức đã được khen thưởng trước đây thì không đặt vấn đề khen thưởng nữa; nếu đủ tiêu chuẩn đạt mức khen thưởng cao hơn mức đã được khen trước đây thì làm thủ tục đề nghị xét điều chỉnh mức khen;

- Đối với cá nhân đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập theo Thông tri số 38-TT/TW, sau thời điểm được quyết định khen thưởng theo Thông tri số 38-TT/TW, tiếp tục công tác, đảm nhiệm các chức vụ ở các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ thì được xét khen thưởng tiếp (chủ yếu áp dụng cho đối tượng hoạt động liên tục trong chiến trường miền Nam, đã được tặng Huân chương Độc lập). Thủ tục

thực hiện theo Nghị định số 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

h) Các chức vụ tương đương Bộ trưởng, Thứ trưởng, Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương), Giám đốc sở, Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh sẽ có hướng dẫn riêng;

i) Việc khen thành tích phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc thống nhất như sau:

Phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc quy định tại điểm b khoản 2 Điều 42; điểm b khoản 1 Điều 43 và Điều 44 Luật thi đua, khen thưởng là các phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm được Hội đồng khoa học cấp quốc gia, Hội đồng khoa học cấp Bộ, ban, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận mang lại hiệu quả cao trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi Bộ, ban, ngành, địa phương.

k) Tại khoản 2 các Điều từ 20 đến 27 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn khen thưởng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Quân công” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn a, b, c; trong đó tiêu chuẩn (a) quy định có hình thức khen thưởng thấp

hơn liền kề; trường hợp chưa có hình thức khen thưởng thấp liền kề thì chỉ áp dụng khen thưởng cho các đối tượng lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, tạo ra bước đột phá, có tác động to lớn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;

l) Việc hướng dẫn chi tiết về tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng Huy chương Quân kỳ quyết thắng, Huy chương Chiến sĩ vẻ vang thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Quốc phòng; Huy chương Vì an ninh Tổ quốc, Huy chương Chiến sĩ vẻ vang thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Công an;

m) Danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thực hiện theo quy định tại các Điều 42, 43, 44 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP.

Danh hiệu Anh hùng được xét tặng hàng năm cho tập thể, cá nhân có hành động anh hùng, dám nghĩ, dám làm, lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội; hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu... là tấm gương sáng về mọi mặt, thành tích có ảnh hưởng trong phạm vi toàn quốc;

Trước khi đề nghị Nhà nước xét phong

tặng danh hiệu Anh hùng cần tuyên truyền trên phương tiện thông tin về thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị để có thêm thông tin cho việc xét chọn.

n) Việc hướng dẫn chi tiết về tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xét tặng các danh hiệu: “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”; “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”; “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”; “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương có hướng dẫn riêng;

o) Về tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa - Thông tin cơ quan thường trực Hội đồng cấp quốc gia phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương có hướng dẫn riêng;

p) Về tiêu chuẩn Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 72 Luật thi đua, khen thưởng nay quy định cụ thể như sau:

- Tặng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương cho các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt 02 lần liên tục danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc những cá nhân lập được thành tích xuất sắc được bình xét trong các đợt thi đua theo đợt, theo chuyên đề do Bộ, ngành, đoàn thể trung ương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát động;

- Tặng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho các tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt 02 lần liên tục danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” hoặc những tập thể lập được thành tích xuất sắc được bình xét trong các đợt thi đua theo đợt, theo chuyên đề hàng năm do Bộ, ngành, địa phương phát động.

q) Điều 69 Luật thi đua, khen thưởng quy định Bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp ở Trung ương mới có thẩm quyền ban hành Kỷ niệm chương, Huy hiệu.

Việc quy định đối tượng, tiêu chuẩn phải chặt chẽ, đảm bảo việc tặng thưởng có tác dụng động viên, giáo dục trong Bộ, ngành mình. Trước khi ban hành Kỷ niệm chương, Huy hiệu phải được đăng

ký và thống nhất bằng văn bản của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

III. THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Thủ tục và hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định từ Điều 53 đến Điều 65 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP, nay hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Tuyển trình và thủ tục trình khen

Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP.

a) Khen thưởng Huân chương **bậc** cao, khen thưởng cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thực hiện theo Thông báo số 193/TBTW ngày 20 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị:

- Đối với việc xét tặng thưởng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”:

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tiêu chuẩn quy định của Luật thi đua, khen thưởng

và Nghị định số 121/2005/NĐ-CP trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định khen thưởng;

Trên cơ sở đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ. Căn cứ ý kiến của Ban Cán sự đảng Chính phủ (đối với tập thể), ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương (đối với cá nhân), Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tiến hành các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ;

Việc xét tặng Huân chương của Chủ tịch nước và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: trên cơ sở đề nghị của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xin ý kiến hiệp ý của Ban Tổ chức Trung ương (đối với diện cán bộ Trung ương quản lý), sau khi có ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với việc xét tặng danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự nhà nước:

+ Đối với danh hiệu thi đua:

Căn cứ tờ trình đề nghị của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xin ý kiến các Bộ, ban, ngành, địa phương liên

quan; sau khi có ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ.

+ Đối với danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú:

Căn cứ đề nghị của Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng quốc gia xét phong tặng Nhà giáo nhân dân Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú thẩm định (bỏ phiếu tín nhiệm). Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quốc gia, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

+ Đối với danh hiệu Anh hùng:

Căn cứ đề nghị của Bộ, ban, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xin ý kiến thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cơ quan liên quan. Những trường hợp đủ tiêu chuẩn quy định, Thường trực Hội đồng báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, trên cơ sở đó Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổng hợp hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Về việc khen thưởng đại biểu Quốc hội chuyên trách, Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, thực hiện theo Công văn số 365/UBTVQH11 ngày 07 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, cụ thể như sau:

- Đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương do Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội làm thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương và danh hiệu vinh dự nhà nước;

- Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương và đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng;

- Đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân và tập thể Hội đồng nhân dân cấp quận, huyện (thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện làm thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện trình Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

- Đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân và tập thể Hội đồng nhân dân cấp xã (phường, thị trấn) do Hội đồng nhân dân cấp xã làm thủ tục khen thưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

c) Về việc đề nghị các hình thức khen thưởng (theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng) cho các tổ chức và cá nhân làm công tác đảng, đoàn thể:

Tại điểm a khoản 1 Điều 53 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Cấp nào quản lý về tổ chức cán bộ và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm xem xét trình cấp trên khen thưởng đối với các trường hợp thuộc phạm vi quản lý”, theo tinh thần đó:

Tập thể, cá nhân chuyên trách làm công tác đảng, đoàn thể thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì tổ chức đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét (thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp), đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

Tập thể, cá nhân chuyên trách làm công tác Đảng, đoàn thể thuộc quận, huyện (thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) có đủ tiêu chuẩn khen thưởng quy định thì tổ chức đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét (thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp), đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Đối với cán bộ chuyên trách công tác Đảng, đoàn thể ở các Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương thì nơi nào trực tiếp quản lý cán bộ và trả lương nơi đó xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên quản lý trực tiếp khen thưởng.

d) Riêng đối với các Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (Tổng công ty 91, các Tập đoàn kinh tế), Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo khoản 6 Điều 53 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP, nay quy định cụ thể như sau:

- Việc phong tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành cho các đối tượng thuộc Tổng công ty nhà nước, Đại học quốc gia Hà Nội và Đại học quốc gia

thành phố Hồ Chí Minh do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ xem xét, quyết định;

- Việc đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, căn cứ đề nghị của Tổng công ty nhà nước (Tập đoàn kinh tế), Đại học quốc gia Hà Nội và Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định;

- Việc trình khen thưởng Huân chương, Huy chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Tổng công ty nhà nước (Tập đoàn kinh tế), Đại học quốc gia Hà Nội và Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trình trực tiếp Thủ tướng Chính phủ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương);

- Trường hợp trình khen thưởng cho tập thể Tổng công ty nhà nước, tập thể Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tổng công ty, Giám đốc Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh phải có ý kiến hiệp y của Bộ quản lý nhà nước.

Về tuyên trình khen của các tổ chức Hội ở Trung ương và một số tổ chức đặc thù khác do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn thực hiện.

đ) Đối với các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh, các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh trên nguyên tắc cấp nào quyết định thành lập tổ chức, quyết định cổ phần hóa thì cấp đó trình khen. Riêng đối với các liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài, trụ sở công ty, doanh nghiệp đóng trên địa bàn địa phương nào thì địa phương đó trình khen thưởng (trừ các đơn vị là thành viên của Tập đoàn kinh tế hoặc thành viên của Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thì do Tổng công ty hoặc Tập đoàn kinh tế trình khen);

e) Đối với tập thể, cá nhân thuộc Ban quản lý khu công nghiệp thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng;

g) Đối với tập thể, cá nhân thuộc Ban quản lý khu chế xuất, khu kinh tế thực hiện như sau:

Trưởng ban quản lý khu chế xuất, khu kinh tế quyết định tặng thưởng danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở và Giấy khen

của Trưởng Ban quản lý khu chế xuất, khu kinh tế.

Trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban quản lý khu chế xuất, khu kinh tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, địa phương nơi có khu chế xuất, khu kinh tế quyết định tặng thưởng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, thành phố, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, địa phương nơi có khu chế xuất, khu kinh tế, đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương, Danh hiệu vinh dự nhà nước.

Theo quy định trên, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành tiến hành rà soát, phân loại đối tượng quy định cụ thể về tuyên trình cho các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình.

2. Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng

Trong một hình thức khen thưởng có quy định các tiêu chuẩn khác nhau, mỗi tiêu chuẩn cần phải báo cáo thành

tích khác nhau. Vì vậy, khi đề nghị khen thưởng cần lưu ý báo cáo thành tích phải bám sát tiêu chuẩn đó.

Bộ, ngành, địa phương trình khen theo tiêu chuẩn nào thì báo cáo thành tích theo tiêu chuẩn đó; hồ sơ đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức khen thưởng. Báo cáo thành tích phải có đủ các căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định của Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn thực hiện thống nhất mẫu nội dung báo cáo thành tích.

3. Hiệp y khen thưởng

Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thêm thông tin của các cơ quan liên quan để có thêm căn cứ xác định trước khi quyết định khen thưởng. Hiệp y khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP.

Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm lấy ý kiến hiệp y của các cơ quan liên quan; Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chịu trách nhiệm lấy ý kiến hiệp y đối với các trường hợp do Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự nhà nước hoặc khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại.

Các cơ quan liên quan khi nhận được văn bản xin ý kiến hiệp y phải đảm bảo đúng về nội dung và thời gian quy định. Văn bản Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xin ý kiến hiệp y những nội dung gì thì cho ý kiến về những nội dung đó và phải nêu rõ chính kiến. Nếu quá thời hạn xin hiệp y 15 ngày cơ quan được xin ý kiến không có văn bản phúc đáp thì coi như cơ quan đó đã nhất trí về nội dung xin hiệp y, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương sẽ làm thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các địa phương đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Huân chương, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thì các Bộ, ngành có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực xem xét cho ý kiến hiệp y.

4. Hồ sơ trình khen danh hiệu thi đua, Huân chương, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước

a) Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Chính phủ thực hiện theo khoản 5 Điều 53 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP;

b) Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ thực hiện theo khoản 5 Điều 56 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP;

Việc đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ cho các tập thể thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao xét và gửi hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thẩm định, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

Thời gian trình Cờ Thi đua của Chính phủ: các Bộ, ngành, địa phương có tờ trình và hồ sơ đề nghị gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chậm nhất vào ngày 01 tháng 3 hàng năm (trường hợp đơn vị phải có nghĩa vụ nộp ngân sách thì hồ sơ trình khen chậm nhất vào ngày 31 tháng 3).

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo khoản 3 Điều 53 và khoản 4 Điều 57 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP. Hồ sơ gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương gồm 03 bộ (bản chính);

Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động cho cán bộ có công lao, thành tích, quá trình cống hiến qua các giai đoạn cách mạng, hồ sơ gồm 04 bộ bản chính (hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương

Hồ Chí Minh cho tập thể gồm 04 bộ bản chính).

Hồ sơ đối với cá nhân: tờ trình kèm theo danh sách trích ngang cán bộ được đề nghị khen thưởng, bản tóm tắt quá trình công tác và thành tích cá nhân phải ghi rõ quá trình công tác, thời gian giữ từng chức vụ, các hình thức khen thưởng và kỷ luật của cá nhân đó (nếu có).

- Việc đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao xét và gửi hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thẩm định, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với khen thưởng xuyên, hàng năm trình 2 đợt:

Đợt 1: Khen kinh tế - xã hội kết thúc trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Đợt 2: Khen theo chuyên đề và các hình thức khen thưởng đặc thù khác từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Lực lượng vũ trang nhân dân đợt 1 trước ngày 19 tháng 5 và đợt 2 trước ngày 02 tháng 9 hàng năm.

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huy chương thực hiện theo khoản 2 Điều 61

Nghị định số 121/2005/NĐ-CP. Hồ sơ gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương gồm 03 bộ (bản chính);

đ) Hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng thực hiện theo khoản 3, Điều 63, Nghị định số 121/2005/NĐ-CP và kèm theo xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách (đối với tập thể, cá nhân có nghĩa vụ). Hồ sơ gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương gồm 03 bộ (bản chính) và 20 bộ photo;

e) Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phong tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc thực hiện theo khoản 3 Điều 54 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP và báo cáo tóm tắt những sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng công nghệ mới hoặc các giải pháp, sáng kiến cải tiến lề lối làm việc có xác nhận của cấp có thẩm quyền. Hồ sơ gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương gồm 03 bộ (bản chính). Thời gian gửi hồ sơ trước ngày 30 tháng 3 hàng năm;

Riêng hệ thống giáo dục quốc dân thời gian hồ sơ đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc trình chậm nhất ngày 30 tháng 10 hàng năm.

g) Theo quy định báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị tặng thưởng các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự nhà nước và các hình thức khen thưởng

cấp nhà nước phải có xác nhận của cấp trình Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Trưởng ban, ngành, cơ quan, đoàn thể ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể ủy nhiệm cho cấp phó xác nhận thành tích, nhưng phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo thành tích đó;

Đối với các đơn vị Trung ương có trụ sở chính đóng trên địa bàn địa phương thì hồ sơ đề nghị khen thưởng phải ghi rõ về việc chấp hành chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước và về việc xây dựng tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

h) Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành về quy trình, thủ tục, tính chính xác hồ sơ, thẩm định tiêu chuẩn khen thưởng của các đối tượng trình khen thưởng;

i) Hồ sơ khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

Các trường hợp khen thưởng theo thủ tục đơn giản thực hiện theo khoản 3 Điều 61 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP.

Việc khen thưởng kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đột xuất có tác dụng động viên, giáo dục rất lớn. Các cơ quan chuyên môn làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm phát hiện, hoàn chỉnh hồ sơ,

trình cấp có thẩm quyền khen thưởng kịp thời; tùy theo thành tích đạt được, hình thức khen thưởng có thể là Giấy khen, Bằng khen cấp Bộ, ngành, địa phương. Đối với những trường hợp thành tích xuất sắc, đột xuất có phạm vi ảnh hưởng lớn, đủ tiêu chuẩn thì đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định khen thưởng Huân chương hoặc phong tặng danh hiệu Anh hùng.

IV. THÔNG BÁO KẾT QUẢ KHEN THƯỞNG, LƯU TRỮ HỒ SƠ KHEN THƯỞNG, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

1. Thông báo kết quả khen thưởng

Các tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn khen thưởng và đã được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ phải thông báo cho đơn vị trình khen biết.

Các tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời gian 10 ngày (kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đồng ý với cơ quan thẩm định), cơ quan thẩm định phải thông báo cho đơn vị trình khen biết.

Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, cơ quan thẩm định thông báo và trả hồ sơ cho cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Việc lưu trữ hồ sơ khen thưởng là một việc quan trọng và cần thiết, ngoài việc ghi nhận công lao thành tích của các thể hệ đã có công lao đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Việc lưu trữ hồ sơ còn phục vụ cho công tác giáo dục truyền thống, công tác chuyên môn và tra cứu hồ sơ khi cần thiết.

Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu.

Hết thời hạn quy định, hồ sơ phải được bàn giao cho Trung tâm Lưu trữ của Bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

Sử dụng quỹ khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ và Thông tư số 73/2006/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, nay hướng dẫn cụ thể như sau:

Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích của một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

Ví dụ: Năm 2005, ông Nguyễn Văn A được bình xét là Lao động tiên tiến, sau đó được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2005 thì chỉ được nhận tiền thưởng Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Trong một thời điểm một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, các danh hiệu đó do thời gian để đạt được thành tích khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu.

Ví dụ: Năm 2005 ông Nguyễn Văn A được công nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở và sau đó đồng thời được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì ông Nguyễn Văn A được nhận tiền thưởng Chiến sĩ thi đua cơ sở và cả tiền thưởng Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành (vì thành tích 3 năm liên tục).

4. Hủy quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật khen thưởng

Tập thể, cá nhân khai man thành tích để được khen thưởng thì tùy theo mức độ sai phạm để xử lý hành chính (hoặc truy cứu trách nhiệm) hủy quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và chế độ được hưởng.

Cơ quan trình khen cho tập thể, cá nhân

đã khai man thành tích, có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) hủy quyết định thu hồi hiện vật khen thưởng hoặc Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước hủy quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật khen thưởng.

Sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ thu hồi hiện vật khen thưởng và giao nộp về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; số tiền thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương phối hợp các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có những phát sinh, vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và Văn phòng Chính phủ bằng văn bản để nghiên cứu, bổ sung, hoàn chỉnh./.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Đoàn Mạnh Giao